

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:56/2023/HS-ST;

Ngày: 09-8-2023

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Huỳnh Trường**;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông **Võ Thanh Hải** - Giáo viên hưu trí;

Ông **Võ Văn Bấy** - Chuyên viên phòng Giáo dục và Đào tạo, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang ;

*Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhân** -Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Võ Thành Đạt** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 43/2023/HSST ngày 22 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/QĐXXST-HS ngày 12/7/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Quốc S**.Giới tính: Nam Tên gọi khác: không. Sinh ngày 06 tháng 02 năm 1999, tại **tỉnh Tiền Giang.Nơi trú: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang**. Nghề nghiệp: không. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.Trình độ văn hóa: 07/12. Quan hệ gia đình: Cha: **Nguyễn Văn H** (đã chết); Mẹ: **Phạm Thị L**, sinh năm 1973.Anh, chị, em ruột:02 người, bị cáo là con nhỏ trong gia đình. Vợ: **Nguyễn Thị Thúy A**, sinh năm 2000 (đã ly hôn)

- Tiền án: không.

- Tiền sự: không.

- Đặc điểm nhân thân: Từ nhỏ sống cùng gia đình tại **ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang**.

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/01/2023, chuyển tạm giam từ ngày 07/01/2023.

( Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

*\*Người bị hại:*

**Trần Thụy Tường V**, sinh ngày:27/11/2008 (vắng mặt)

Nơi cư trú: **ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang**

Người đại diện hợp pháp: **Trần Thị T**, sinh năm 1975 (Là mẹ ruột có mặt)

Nơi cư trú: **ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang**

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2022, thông qua bạn bè, bị cáo Nguyễn Quốc S, sinh ngày 06/02/1999, cư trú ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang quen biết và nảy sinh tình cảm nam nữ với Trần Thụy Tường V, sinh ngày 27/11/2008, cư trú: ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Khoảng đầu tháng 12 năm 2022, bị cáo S cùng với V và bạn V đi ăn uống tại Chợ C, đến khoảng 23 giờ bị cáo S nhắn tin rủ V đi khách sạn nghỉ thì V đồng ý. Bị cáo S điều khiển xe mô tô không rõ biển số chở V đến nhà nghỉ K thuộc khu phố M, phường N, thị xã C thuê phòng số 03 để nghỉ. Tại đây bị cáo S hỏi xin Vy cho quan hệ tình dục, V đồng ý. Bị cáo S thực hiện hành vi giao cấu với V một lần.

Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 12 đến ngày 31/12/2022, V chuyển đến nhà bị cáo S để sống chung với bị cáo S, tại đây bị cáo S khoảng 04 lần hỏi xin và đều được V đồng ý nên bị cáo S tiếp tục quan hệ tình dục với V nhiều lần nữa tại phòng ngủ của bị cáo S nhưng không nhớ ngày cụ thể. Trong các lần quan hệ tình dục, bị cáo S đều có sử dụng biện pháp tránh thai khi giao cấu với V. Ngày 02/01/2023, Tăng Văn D, sinh năm 1999, cư trú ấp M, xã L, thị xã C là bạn của bị cáo S và Dương Thị Mỹ H1 sinh ngày 29/8/2008, cư trú ấp P, xã L, thị xã C, là bạn của V đến nhà bị cáo S chơi, sau đó bị cáo S, D, H1 cùng nhau sử dụng ma túy. Đến ngày 04/01/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã C phát hiện và bắt khẩn cấp bị cáo S về hành vi Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.

Theo kết luận giám định pháp y về tình dục số 01/2023/TD ngày 04/01/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh T đối với Trần Thụy Tường V kết luận:

### 1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Màng trinh: Hình thuyền. Vết rách cũ vị trí khoảng 2-3 giờ đến chân màng trinh.
- Siêu âm: Hiện tại siêu âm chưa thấy bất thường.
- Soi tươi tìm tinh trùng: Tìm không thấy xác tinh trùng.

2. Kết luận tại thời điểm giám định Trần Thụy Tường V ngày 04/01/2023 sau khi có kết quả khám lâm sàng và cận lâm sàng:

- Màng trinh: Hình thuyền. Vết rách cũ vị trí khoảng 2-3 giờ đến chân màng trinh.
- Tìm tinh trùng: Tìm không thấy xác tinh trùng.
- Tại thời điểm giám định Trần Thụy Tường V không mang thai.

Về trách nhiệm dân sự: Trần Thụy Tường V và mẹ ruột Trần Thị T không yêu cầu bị cáo S bồi thường và có đơn bãi nại trách nhiệm dân sự cho bị cáo S.

Tại bản cáo trạng số 45/CT-VKSTXCL ngày 19/5/2023 Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy truy tố bị cáo Nguyễn Quốc Sĩ về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Tòa án căn cứ điểm a khoản 2 Điều 145; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc S** mức án từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại **Trần Thụy Tường V** và người đại diện hợp pháp **Trần Thị T** là mẹ ruột không yêu cầu bị cáo **S** bồi thường gì về phần dân sự và có đơn xin bãi nại, không đặt ra xem xét.

Về án phí: bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo **Nguyễn Quốc S** khai nhận hành vi của bị cáo thực hiện đúng như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, những người tham gia tố tụng khác, vật chứng thu giữ cùng các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa: Khoảng đầu tháng 12 năm 2022, tại phòng số 04 **nhà nghỉ K** thuộc **khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang**, bị cáo **Nguyễn Quốc S** là người đủ 18 tuổi đã có hành vi giao cấu một lần với **Trần Thụy Tường V**, sinh ngày 27/11/2008 (14 tuổi 01 tháng). Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ đầu tháng 12 đến ngày 31/12/2022, bị cáo **Nguyễn Quốc S** còn giao cấu với **Trần Thụy T1 Vy** khoảng 04 lần nữa trong phòng ngủ tại nhà của bị cáo **Nguyễn Quốc S**. Do đó, đủ căn cứ kết luận bị cáo **Nguyễn Quốc S** phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm bất hợp pháp đến quyền trẻ em được pháp luật bảo vệ; xâm phạm đến sức khỏe, danh dự, uy tín, nhân phẩm, tổn thất tinh thần của người bị hại và gia đình người bị hại, vi phạm đạo đức, lối sống và thuần phong mỹ tục; gây xôn xao bức xúc dư luận, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho quần chúng nhân dân, nên cần xử phạt bị cáo hình phạt thật nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cần cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt có ích cho gia đình, xã hội và răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

[3] Tuy nhiên, xét thấy quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại cùng người đại diện hợp pháp

cho người bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo thuộc tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, Tòa án xem xét giảm nhẹ một phần khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] **Nguyễn Văn P** có hành vi giao cấu 03 lần đối với **Dương Thị Mỹ H1** khi **H1** đã đủ 13 tuổi nhưng dưới 16 tuổi từ khoảng thời gian tháng 09 năm 2022. Hành vi này của **P** có dấu hiệu phạm vào tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi quy định tại Điều 145 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, tại thời điểm giao cấu với **H1**, **P** chưa đủ 18 tuổi nên hành vi của **P** không đủ yếu tố cấu thành tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.

Quá trình điều tra xác định, bị cáo **Nguyễn Quốc S** có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và bộ dụng cụ sử dụng ma túy để sử dụng tại nhà và đem đến nhà của bị cáo **Nguyễn Quốc S** để sử dụng. Tuy nhiên, sau khi sử dụng ma túy xong bị cáo **S** không có mời, rủ ai sử dụng ma túy. Bị cáo **S**, **D**, **H1**, **P**, **V** thấy dụng cụ sử dụng ma túy của bị cáo **S** do muốn sử dụng ma túy nên tự ý lấy sử dụng, số ma túy đã được sử dụng hết không thu giữ được. Đồng thời **Đặng Hoàng T2** có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy tại tiệm sửa xe để sử dụng, sau khi sử dụng xong **T2** để bộ dụng cụ sử dụng ma túy xuống thì **Dương Thị Mỹ H1** muốn sử dụng ma túy nên tự ý đến lấy sử dụng, **T2** không có mời hay rủ **H1** sử dụng ma túy, số ma túy đã được sử dụng hết không thu giữ được nên hành vi của bị cáo **S** và **T2** không cấu thành tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, tàng trữ trái phép chất ma túy và chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

[5] Về trách nhiệm dân sự: bị hại và người đại diện hợp pháp không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì về phần dân sự, Tòa án không đặt ra xem xét.

[6] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, Tòa án xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[8] Về án phí: bị cáo phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

\*Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Quốc S** phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 145; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc S** **03 (ba) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/01/2023.

\*Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo **Nguyễn Quốc S** phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Công an thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Bị cáo;
- Bị hại; người đại diện hợp pháp cho người bị hại;
- Lưu.

**Nguyễn Huỳnh Trường**